

Bản án số: 118/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 10 - 2020

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Viết Tùng

Ông Ngô Xuân Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Chung, Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 123/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/10/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T. Sinh năm 1991

Trú tại: xóm 2, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu D. Sinh năm 1984.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: xóm 2, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Hiện cư trú tại: Cộng hòa Liên bang Đức

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ:

Nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Hữu D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/02/2012 tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến ngày 03/8/2016 anh Nguyễn Hữu D đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, thời gian đầu anh D vẫn gửi tiền về nuôi con. Đến khoảng tháng 10/2017, giữa hai vợ chồng chị T và anh D xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên từ đó đến nay giữa chị T và anh D không còn liên lạc với nhau, anh D không còn gửi tiền về nuôi con nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu D.

Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Hữu D có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Linh Đ, sinh ngày 08/12/2012 và Nguyễn Hoàng Ngọc A, sinh ngày 10/7/2015. Hiện nay, cả hai cháu đang ở cùng với mẹ là chị Hoàng Thị T. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng chị T và anh D không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Hữu D: Quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Nguyễn Hữu D, mà chỉ biết anh D hiện đang làm ăn sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đức. Tòa án đã tiến hành xác minh và gửi văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H, địa chỉ: xóm 2, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An— là bố mẹ đẻ của anh D yêu cầu ông T, bà H cung cấp địa chỉ, thông tin của bị đơn cũng như yêu cầu họ thông báo cho bị đơn biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Tuy nhiên, ông T và bà H cho biết thời gian anh D ở nước ngoài, anh D vẫn thường xuyên liên lạc về với bố mẹ nhưng ông bà không biết địa chỉ cư trú cụ thể hiện nay của anh D, chỉ biết hiện nay anh D đang sinh sống, làm việc ở Đức.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án đã tiến hành xác minh đầy đủ tại người thân của bị đơn, thực hiện việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng đảm bảo đúng quy định pháp luật, nên có căn cứ đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hữu D. Về con chung:

đề nghị giao hai con chung là Nguyễn Hoàng Linh Đ, sinh ngày 08/12/2012 và Nguyễn Hoàng Ngọc A, sinh ngày 10/7/2015 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: giành quyền khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa nguyên đơn chị Hoàng Thị T và bị đơn anh Nguyễn Hữu D, trong đó chị T và anh D đều có hộ khẩu thường trú tại xóm 2, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An, bị đơn anh Nguyễn Hữu D hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đức nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh và gửi văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị H, địa chỉ: xóm 2, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An— là bố mẹ đẻ của anh D, yêu cầu ông T, bà H cung cấp địa chỉ, thông tin của bị đơn cũng như yêu cầu họ thông báo cho bị đơn biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, gửi văn bản yêu cầu đến lần thứ hai; tuy nhiên ông T bà H không cung cấp được địa chỉ, tin tức của bị đơn cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết để gửi lời khai về cho Tòa án nên có cơ sở coi đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là hoàn toàn phù hợp, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Hữu D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến ngày 03/8/2016 anh Nguyễn Hữu D đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, thời gian đầu anh D vẫn gửi tiền về nuôi con.

Đến khoảng tháng 10/2017, giữa hai vợ chồng chị T và anh D xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên từ đó đến nay chị T và anh D không còn liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu D. Xét thấy, vợ chồng chị T và anh D đã sống xa cách nhau trong một thời gian dài; hai bên đã không còn liên lạc với nhau từ tháng 10/2017 đến nay, như vậy có thể khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hữu D.

[3.2]. Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Hữu D có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Linh Đ, sinh ngày 08/12/2012 và Nguyễn Hoàng Ngọc A, sinh ngày 10/7/2015. Hiện nay, cả hai cháu đang ở cùng với mẹ là chị Hoàng Thị T. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng được nuôi cả hai con chung sau khi ly hôn của chị T là nguyện vọng chính đáng của người làm mẹ; hơn nữa cháu Nguyễn Hoàng Linh Đ sinh ngày 08/12/2012 mong muốn được ở cùng với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Mặt khác, bị đơn là anh Nguyễn Hữu D hiện nay đang làm ăn sinh sống ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ liên lạc, đến nay anh D vẫn không có văn bản trình bày quan điểm của mình gửi cho Tòa án. Vì vậy để đảm bảo điều kiện học tập, ổn định cuộc sống cho các cháu, cần giao cả hai con chung là Nguyễn Hoàng Linh Đ, sinh ngày 08/12/2012 và Nguyễn Hoàng Ngọc A, sinh ngày 10/7/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Hữu D không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giành quyền khởi kiện về tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 207, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hữu D.
2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Hoàng Linh Đ, sinh ngày 08/12/2012 và Nguyễn Hoàng Ngọc A, sinh ngày 10/7/2015 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Hữu D

Anh Nguyễn Hữu D không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Dành quyền khởi kiện liên quan đến chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000046 ngày 15/7/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Hữu D có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã V, huyện Y; Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

